

Số: **01** /2026/TT-BDTTG

Hà Nội, ngày **13** tháng 01 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước
về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14;

Căn cứ Nghị định số 303/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26/ 02/ 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03/ 6/ 2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/ 12/ 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/ 6/ 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ;

Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Thông tư quy định phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được quy định tại Luật tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi là Luật); Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi là Nghị định số 95/2023/NĐ-CP), Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo (sau đây gọi là Nghị định số 124/2025/NĐ-CP) và Nghị định

số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành (sau đây gọi là Nghị định số 217/2025/NĐ-CP).

2. Thông tư áp dụng đối với Ban Tôn giáo Chính phủ và các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo đảm thực hiện phân cấp các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Việc phân cấp phải bảo đảm yêu cầu về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và sự quản lý thống nhất, toàn diện, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Bộ Dân tộc và Tôn giáo trên phạm vi toàn quốc.

2. Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ban Tôn giáo Chính phủ trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo theo sự phân cấp của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; việc hướng dẫn, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; phát huy vai trò, tính chủ động của cơ quan được phân cấp và trách nhiệm người đứng đầu theo nguyên tắc cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

3. Ban Tôn giáo Chính phủ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp; tự bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp

4. Tuân thủ các quy định của Luật, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP, Nghị định số 124/2025/NĐ-CP, Nghị định số 217/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan về trình tự, thủ tục, thẩm quyền khi thực hiện các nội dung được phân cấp.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Điều 3. Thẩm quyền trong việc tiếp nhận các thông báo

Ban Tôn giáo Chính phủ được phân cấp thực hiện tiếp nhận thông báo đối với các nội dung sau đây:

1. Tiếp nhận các thông báo phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc:

a) Người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật;

b) Người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật;

c) Người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều 34 của Luật;

d) Kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật;

đ) Kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật;

e) Kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật;

g) Kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật;

h) Hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 33 của Luật;

i) Cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34 và khoản 2 Điều 36 của Luật;

k) Cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật.

2. Tiếp nhận thông báo về hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Luật.

3. Tiếp nhận thông báo danh mục hoạt động tôn giáo và tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc:

a) Danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật;

b) Danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật;

c) Tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật.

4. Tiếp nhận thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 26 của Luật.

5. Tiếp nhận thông báo giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ sở đào tạo tôn giáo:

a) Giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo và theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 31 của Luật, Điều 14 của Nghị định 95/2023/NĐ-CP;

b) Giải thể cơ sở đào tạo tôn giáo theo quyết định của tổ chức tôn giáo và theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 42 của Luật, Điều 18 của Nghị định 95/2023/NĐ-CP.

6. Tiếp nhận thông báo chấm dứt gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 53 của Luật.

7. Tiếp nhận thông báo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định 95/2023/NĐ-CP.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận cấp đăng ký hoạt động tôn giáo và một số nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động tôn giáo

Ban Tôn giáo Chính phủ được phân cấp thực hiện chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các nội dung sau đây:

1. Đăng ký hoạt động tôn giáo của tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 19 của Luật.

2. Đăng ký quy chế tổ chức và hoạt động sửa đổi; quy chế tuyển sinh sửa đổi của cơ sở đào tạo tôn giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật.

3. Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật.

4. Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật.

5. Đề nghị tổ chức hội nghị liên tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật.

6. Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật.

7. Đăng ký cho công dân Việt Nam được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử ở nước ngoài về Việt Nam làm chức sắc, chức việc theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật và Điều 24 của Nghị định 95/2023/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm quyền chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài

Ban Tôn giáo Chính phủ được phân cấp thực hiện chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với đề nghị về các nội dung sau đây:

1. Cử chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo hoặc đào tạo tôn giáo ở nước ngoài theo quy định tại Điều 50 của Luật.

2. Phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử cho tín đồ của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam dự kiến làm chức sắc, chức việc cho tổ chức tôn giáo nước ngoài ở Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Luật và Điều 23 của Nghị định 95/2023/NĐ-CP.

3. Mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 48 của Luật.

4. Mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật.

5. Phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị cho người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 của Luật và Điều 23 của Nghị định 95/2023/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền trong việc hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam theo quy định tại Điều 40 của Luật

Ban Tôn giáo Chính phủ được phân cấp tham mưu việc hướng dẫn chương trình, nội dung giảng dạy môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam tại các cơ sở đào tạo tôn giáo; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện hai môn học này tại các cơ sở đào tạo tôn giáo.

Điều 7. Thẩm quyền trong việc kiểm tra chuyên ngành; kiểm tra, lập biên bản và ban hành kết luận kiểm tra về việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, cơ sở đào tạo tôn giáo vi phạm nghiêm trọng khoản 4 và khoản 5 Điều 5 của Luật

1. Ban Tôn giáo Chính phủ được phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành theo quy định của Luật Thanh tra và Nghị định số 217/2025/NĐ-CP;

2. Ban Tôn giáo Chính phủ được phân cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, lập biên bản và ban hành kết luận về việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh, cơ sở đào tạo tôn giáo vi phạm nghiêm trọng một trong các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 của Luật để làm cơ sở đình chỉ toàn bộ hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, đình chỉ hoạt động đào tạo của cơ sở đào tạo tôn giáo.

Điều 8. Thẩm quyền trong việc tiếp nhận báo cáo, tổng hợp báo cáo về việc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Ban Tôn giáo Chính phủ được phân cấp thực hiện việc tiếp nhận báo cáo, tổng hợp báo cáo về việc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:

1. Tiếp nhận báo cáo và tổng hợp kết quả báo cáo về việc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP để báo cáo Bộ trưởng.

2. Tiếp nhận báo cáo hằng năm (trước ngày 30/11) của Sở Dân tộc và Tôn giáo hoặc Sở Nội vụ trong trường hợp tỉnh, thành phố không thành lập sở Dân tộc và Tôn giáo về việc tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Ban Tôn giáo Chính phủ

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; tự kiểm tra việc thực hiện các nội dung được phân cấp để đảm bảo việc thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn theo quy định của Luật, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP, Nghị định số 124/2025/NĐ-CP và Nghị định số 217/2025/NĐ-CP đối với các nội dung được phân cấp.

2. Tự bảo đảm về điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả triển khai công tác quản lý nhà nước lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc bộ, ngành, các địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín

ngưỡng, tôn giáo cho công chức tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tổ chức tôn giáo và người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; chủ động trao đổi, làm việc với các bộ, ngành, địa phương để phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Định kỳ hàng năm (chậm nhất vào ngày 25/12), báo cáo Bộ trưởng về tình hình, kết quả thực hiện các nội dung được phân cấp; trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng yêu cầu Ban Tôn giáo Chính phủ báo cáo về việc thực hiện thẩm quyền được phân cấp.

4. Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các thẩm quyền phân cấp cho Ban Tôn giáo Chính phủ quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan được phân cấp, Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc và nội dung phân cấp được quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Dân tộc và Tôn giáo (qua Ban Tôn giáo Chính phủ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các vụ, đơn vị thuộc Bộ;
- Cục KTrVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Sở Dân tộc và Tôn giáo/cơ quan tham mưu công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh;
- Công pháp luật quốc gia (Bộ Tư pháp);
- Công báo điện tử;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ DTTG;
- Lưu: VT, TGCP (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Trung